

DANH SÁCH SINH VIÊN BẠC ĐẠI HỌC KHÓA 2021 NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024 - 2025 (CHÍNH THỨC)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24-25)	XL HT (HK1/24-25)	XL ĐRL (HK1/24-25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
1	21110003	Trần Nguyễn Nam Hưng	9,96	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
2	21110022	Võ Nguyễn Phúc	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
3	21110076	Tăng Thị Mỹ Hạnh	9,89	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
4	21110189	Trần Minh Thông	9,89	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
5	21110248	Bùi Lương Bình	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
6	21110280	Đoàn Thị Kỳ Duyên	9,93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
7	21110356	Võ Hoàng Nhật	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
8	21110389	Quách Đại Tài	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
9	21110429	Nguyễn Quang Trường	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
10	21120022	Cao Quảng Phát	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
11	21120036	Triệu Hoàng Thiên Ân	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
12	21120105	Trương Thành Nhân	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
13	21120126	Nguyễn Tấn Hoàng Sa	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
14	21120132	Lê Hình Nhựt Thanh	9,77	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
15	21120146	Lê Nguyễn Phương Thùy	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
16	21120149	Nguyễn Đăng Thới Toàn	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
17	21120186	Lê Hữu Trí	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
18	21120260	Hồ Duy Khang	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
19	21120314	Hồ Lê Minh Quân	9,93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
20	21120355	Nguyễn Anh Tú	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
21	21120551	Đàm Tử Tâm	9,83	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
22	21120581	Lê Phan Thủy Trúc	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
23	21130001	Tân Mai Hương	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Vật lý học
24	21130055	Trần Minh Khôi	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Vật lý học
25	21130116	Quách Thị Thái Bình	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Vật lý học
26	21130225	Nguyễn Lê Phương Như	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Vật lý học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24- 25)	XL HT (HK1/24- 25)	XL ĐRL (HK1/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
27	21130244	Ngô Hữu Quyền	9,84	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Vật lý học
28	21130318	Đinh Thị Thuỳ Vân	9,36	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Vật lý học
29	21140010	Nguyễn Quốc Trung	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Hóa học
30	21140043	Nguyễn Thanh Hùng	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Hóa học
31	21140218	Thái Dương Phương Nam	9,49	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Hóa học
32	21140306	Huỳnh Như Ý	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Hóa học
33	21140328	Trương Hoài Bảo	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Hóa học
34	21140350	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Hóa học
35	21140438	Nguyễn Văn Quốc Tuấn	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Hóa học
36	21150175	Hoàng Văn Dương	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Sinh học
37	21150206	Trương Hà Khải Hoàn	8,56	Giỏi	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Sinh học
38	21150248	Võ Thanh Mai	8,57	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Sinh học
39	21150256	Trần Ngọc Phương Minh	8,67	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Sinh học
40	21150289	Trần Dương Yến Nhi	8,88	Giỏi	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Sinh học
41	21150312	Nguyễn Thị Kim Phụng	8,64	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Sinh học
42	21150315	Lê Hồ Như Quỳnh	8,78	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Sinh học
43	21150386	Lê Trần Thảo Vy	9,38	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Sinh học
44	21160007	Lê Thị Kiều Chính	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Địa chất học
45	21170058	Nguyễn Đức Nguyên	8,93	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Khoa học môi trường
46	21170095	Nguyễn Như Hiếu	9,15	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Khoa học môi trường
47	21170155	Lê Minh Quang	8,92	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Khoa học môi trường
48	21180067	Lê Thanh Ngân	9,17	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Công nghệ sinh học
49	21180077	Lê Hưng Thiện Nhân	9,15	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Công nghệ sinh học
50	21180080	Doãn Ngọc Yến Nhi	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Công nghệ sinh học
51	21180107	Đặng Lương Tấn	9,34	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Công nghệ sinh học
52	21180283	Phùng Minh Hải	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Công nghệ sinh học
53	21180311	Bạch Thành Long	9,15	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Công nghệ sinh học
54	21180329	Nguyễn Thị Thu Ngân	9,12	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Công nghệ sinh học
55	21190045	Hà Nguyễn Nhất Tâm	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Khoa học vật liệu

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/24- 25)	XL HT (HK1/24- 25)	XL ĐRL (HK1/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
56	21190071	Phạm Thanh Hoa	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Khoa học vật liệu
57	21190105	Đoàn Thị Kim Ngân	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Khoa học vật liệu
58	21190135	Trần Hoàng Minh Quy	9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Khoa học vật liệu
59	21200009	Nguyễn Xuân Hoàng	8,94	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	1.804.000	5	9.020.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
60	21200197	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	9,59	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
61	21200218	Nguyễn Minh Thiện	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
62	21200249	Hoàng Hữu Tú	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
63	21200370	Trần Quốc Việt	8,86	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	1.804.000	5	9.020.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
64	21210016	Trương Thị Hồng Ánh	9,05	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Hải dương học
65	21220044	Hà Huỳnh Quốc Thái	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
66	21220144	Đỗ Ngọc Trâm	8,8	Giỏi	Tốt	Giỏi	1.804.000	5	9.020.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
67	21220153	Trần Lê Minh Tuấn	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	1.804.000	5	9.020.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
68	21230002	Phạm Hà Minh Hạnh	9,66	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.804.000	5	9.020.000	Kỹ thuật hạt nhân
69	21250093	Phan Thanh Phi	9,08	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.804.000	5	9.020.000	Công nghệ vật liệu
70	21250125	Bùi Nguyễn Khương Vy	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Công nghệ vật liệu
71	21260007	Nguyễn Hoàng Minh Thư	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Vật lý Y khoa
72	21260048	Đinh Minh An	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Vật lý Y khoa
73	21270013	Phan Phước Sang	8,71	Giỏi	Tốt	Giỏi	1.804.000	5	9.020.000	Kỹ thuật địa chất
74	21280047	Trần Mai Chí Tâm	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Khoa học dữ liệu
75	21280069	Nguyễn Hoàng Lịch	9,03	Xuất sắc	Khá	Khá	1.640.000	5	8.200.000	Khoa học dữ liệu